TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v "tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Võ Công Lập.

2. Bà: Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh, tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 238/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa:

1. ***Nguyên đơn*****:** Ông Trần Quốc T, sinh năm 1973;

2. ***Bị đơn***: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1975;

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Cháu Trần Huỳnh N, sinh năm 2007; cùng địa chỉ: Ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quốc T, trình bày:

Ông và bà H là quan hệ vơ chồng nhưng đã ly hôn vào ngày 05/3/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (cũ).
Quá trình giải quyết ly hôn, về tài sản chung: ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn thì giữa ông và bà H không tự thỏa thuận được với nhau về cách thức phân chia tài sản.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa 2113, tờ bản đồ số 33, diện tích 75m^2, tọa lạc tại ấp R, xã M, Đ, Long An (nay thuộc xã Đ, tỉnh Tây Ninh); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng đứng tên. Sổ tiết kiệm CA 40343646 mở tại Ngân hàng TMCP C do con gái ông là cháu Trần Huỳnh N đứng tên chủ tài khoản, số tiền tiết kiệm là 130.000.000 đồng.

Ý kiến bà H trình bày: thống nhất tài sản chung như ông T trình bày nhưng đề nghị chia số tài sản trên là 03 phần theo như giấy thỏa thuận mà các bên lập ngày 24/02/2025 trong đó cháu N được nhận 01 phần.

Cháu Trần Huỳnh N trình bày: là con ruột của ông T và bà H, cháu N xác nhận đang đứng tên tài khoản tiết kiệm số CA 40343646 mở tại Ngân hàng TMCP C, số tiền gửi tiết kiệm hiện tại là 130.000.000 đồng do cha, mẹ gửi vào. Nay ba, mẹ tranh chấp chia tài sản chung trong đó có số tiền tiết kiệm là 130.000.000 đồng, cháu N đề nghị chia số tiền trên thành 03 phần trong đó cháu được nhận 01 phần theo đúng như biên bản thỏa thuận phân chia tài sản.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa 2113 (nay thuộc một phần thửa 484), tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh hiện do bà H và ông T cùng đang quản lý.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất ý kiến.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Thấy rằng quyền sử dụng đất diện tích 75m^2 (đo đạc thực tế) tại thửa 484, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại ấp R, xã Đ, Đ, Long An, có nguồn gốc là của ông T và bà H tạo lập và hiện do ông Trần Quốc T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiết kiệm số tiền 130.000.000 đồng đang gửi, mở lại ngân hàng TMCP C, các đương sự thống nhất, xác định đây là tài sản chung của ông T và bà H trong thời kỳ hôn nhân. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu chia đôi số tài sản trên, ngược lại bà H yêu cầu chia thành 03 phần bằng nhau trong đó cháu N được chia 01 phần.

Thấy rằng, giấy thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 24/02/2025 giữa bà H, ông T và cháu N không đúng quy định pháp luật nên không đủ cơ sở chấp nhận đề nghị của bà H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời của Kiểm sát viên, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*, *thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Ông Trần Quốc T khởi kiện bà Huỳnh Thị Ngọc H yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và khoản tiền gửi tiết kiệm. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn, bà H hiện đang cư trú tại xã M, Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). Căn cứ vào các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh).

Về pháp luật áp dụng: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Đất đai năm 2013.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân,*

Ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Ngọc H trước đây là quan hệ vơ chồng nhưng đã ly hôn vào ngày 05/3/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Về phần tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*,

Thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sq3n gắn liền với đất tại thửa 484 nay là thửa số 485, tờ bản đồ số 33, ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do ông T đang đứng tên, có nguồn gốc là của ông T và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và hiện cùng quản lý, sử dụng là phù hợp với Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Các bên cũng thừa nhận sổ tiết kiệm số CA 40343646, tài khoản số 220019380483, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C, số tiền tiết kiệm 130.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H và cháu N đề nghị được chia tài sản trên thành 03 phần bằng nhau nhưng ông T không đồng ý và đề nghị chia đôi ông và bà H mỗi người ½ tài sản trên.

Thấy rằng, do điều kiện các bên đã ly hôn, vợ chồng có thỏa thỏa thuận trong việc phân chia tài sản nhưng ông T cho rằng việc thỏa thuận lập ngày 24/02/2025 phân chia tài sản không phù hợp với quy định pháp luật nên ông T khởi kiện bà H yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 484 nay là thửa 485, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh và số tiền tiết kiệm 130.000.000 đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1, mỗi người ½ phần là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 213, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 59, Điều 62, Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo chứng thư thẩm định giá thì tài sản tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại một phần thửa 484 có giá trị là 1.186.224.000 đồng. Ông Trần Quốc T đề nghị được chia tài sản bằng hiện vật, đồng ý thanh toán lại cho bà H phần gá trị quyền sử dụng đất được chia bằng tiền là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do vậy, buộc ông Trần Quốc T phải giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền 593.112.000 đồng (tương ứng với 50% giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất).

Bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm giao lại cho ông Trần Quốc T số tiền gửi tiết kiệm là 65.000.000 đồng, tương ứng ½ số tiến gửi tiết kiệm.

Khấu trừ: Như vậy, ông Trần Quốc T phải giao lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền 593.112.000đ – 65.000.000đ = 528.112.000 đồng.

[3]. *Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4]. *Chí phí xem xét tại chỗ; chi phí thẩm định giá, chi phí trích đo bản vẽ*: Ông Trần Quốc T đã tạm nộp 26.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải hoàn lại cho ông Trần Quốc T số tiền 13.250.000 đồng là phù hợp với Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. *Về án phí sơ thẩm,*

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 1.186.224.000 đồng + 130.000.000 đồng = 1.316.224.000đ. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị được chia để sung ngân sách nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 157, 165, 166, 222, 225, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 357 Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 59, Điều 62, Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 14; khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc H.

2. Ông Trần Quốc T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 75m^2 và tài sản trên đất thuộc thửa 2113 nay thuộc một phần thửa 484, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Vị trí, diện tích đất theo mảnh trích đo địa chính số 09-2025 do Công ty TNHH đo vẽ nhà đất và thiết kế xây dựng Tín Nghĩa lập, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại khu vực Đ duyệt ngày 04/8/2025.

3. Buộc ông Trần Quốc T phải giao lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền 593.112.000đ – 65.000.000đ = 528.112.000 đồng (Năm trăm hai mươi tám triệu một trăm mười hai ngàn đồng) là giá trị tài sản được chia.

Bà Huỳnh Thị Ngọc H, cháu Trần Huỳnh N được quyền lưu cư 06 tháng kể từ ngày 23/9/2025 trên quyền sử dụng đất diện tích 75m^2 và tài sản trên đất thuộc thửa 2113 nay thuộc một phần thửa 484, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định giá, bản vẽ: Ông Trần Quốc T đã tạm nộp số tiền 26.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải hoàn lại cho ông Trần Quốc T số tiền 13.250.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về án phí:

- Buộc ông Trần Quốc T phải nộp 30.332.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.125.000 đồng theo biên lai thu số 10240 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành. Ông Trần Quốc T còn phải nộp tiếp 26.207.480 đồng.

- Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 30.332.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức